

VẤN ĐỀ HƯỚNG BIỂN CỦA CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ QUAN ĐIỂM, ỨNG XỬ CỦA VIỆT NAM VỀ BIỂN ĐÔNG

Lê Thị Anh Đào
Đại học Khoa học Huế

Biển và đại dương chiếm 3/4 diện tích bề mặt trái đất. Trong lòng biển và đại dương có nhiều nguồn tài nguyên vô cùng quý giá như khoáng sản, năng lượng và sinh vật, mang lại giá trị to lớn cho con người. Bên cạnh đó, biển và đại dương còn là con đường giao thông huyết mạch quan trọng trong lịch sử và hiện tại, tạo ra quá trình giao thương, mậu dịch của thế giới cũng như quá trình giao lưu văn hóa, văn minh Đông – Tây.

Thế kỷ XXI, thế kỷ đang và sẽ có nhiều biến đổi lớn trên bàn cờ chính trị thế giới. Trong đó, các nhà chiến lược cũng đã khẳng định, thế kỷ XXI là “thế kỷ của đại dương”. Vấn đề hướng ra biển và làm chủ biển đã, đang trở thành xu hướng chung của tất cả các nước trên thế giới.

Trên cơ sở xác định tầm quan trọng của biển, đại dương, bài viết đi vào khái quát hóa chiến lược hướng biển của các nước, từ đó làm rõ quan điểm, đường lối của Việt Nam về vấn đề Biển Đông.

1. Vấn đề hướng biển của các nước trên thế giới

Trong lịch sử phát triển của thế giới, biển, đại dương có một vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển, hưng thịnh của các quốc gia. Các cuộc phát kiến địa lý (thế kỷ XV) là những cuộc thám hiểm lớn khám phá ra các châu lục. Từ đó, quá trình giao lưu Đông – Tây bằng đường biển đã được khai thông. Biển cùng với tiềm năng, vị trí chiến lược của nó luôn gắn liền với sự phát triển, giao lưu của các nước trên thế giới trong tiến trình phát triển của lịch sử.

Các quốc gia có biển và thậm chí không có biển đều thực hiện chiến lược vươn ra biển. Tùy vào điều kiện cụ thể cũng như vị trí chiến lược của mỗi nước, khu vực để vấn đề hướng biển của các nước trên thế giới được triển khai theo một mô thức và lộ trình khác nhau. Có thể đưa ra một số nguyên nhân chung cho vấn đề hướng biển của các quốc gia trên thế giới, đó là:

Thứ nhất: Dân số và kinh tế thế giới ngày càng có xu hướng gia tăng, không gian sinh tồn trên đất liền ngày một thu hẹp lại, đồng thời nguồn tài nguyên trên đất liền cũng ngày càng cạn kiệt. Trong khi đó, nguồn tài nguyên biển vô cùng phong phú

nhưng lại chưa được khai thác nhiều. Ví như, ngoài dầu khí thì biển và đại dương còn có nhiều loại khoáng sản quan trọng có giá trị lớn như uranium (trên đất liền có khoảng 80 vạn tấn nhưng ở biển khoảng 4 tỷ tấn), vàng (trên đất liền có khoảng 3,5 vạn tấn nhưng ở biển có khoảng 10 triệu tấn)¹. Ngoài ra, hiện tượng “băng cháy”² dưới đáy đại dương tạo ra một nguồn năng lượng lớn cho con người đã lôi cuốn nhiều nước nghiên cứu và khai thác.

Thứ hai: Hiện nay, sự phát triển như vũ bão của khoa học – công nghệ cho phép con người tìm tòi, khám phá đại dương lớn, tìm ra những nguồn năng lượng mới, nhiên liệu mới thay thế những nguồn năng lượng, nhiên liệu đã cạn kiệt. Đồng thời, sự tiến bộ về khoa học – công nghệ còn giúp cho quá trình nghiên cứu, thăm dò, khai thác và làm chủ biển, đại dương ngày càng có hiệu quả hơn.

Như vậy, các nước trên thế giới ngày càng tích cực hướng biển, khai thác tiềm năng to lớn của biển phục vụ cho quá trình phát triển của con người. Để vươn ra biển một cách thuận lợi và có hiệu quả, các nước

phải có một quá trình nghiên cứu, ưu tiên phát triển khoa học – công nghệ, phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn như đóng tàu, xây dựng đảo nhân tạo, sân bay nhân tạo trên biển. Bên cạnh đó, các nước còn tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng ở các khu vực ven biển và hải đảo như cảng biển, sân bay, đường sá, nhà máy, xí nghiệp... tạo công ăn việc làm cho người dân và không ngừng phát huy kinh tế biển. Để vươn ra biển một cách an toàn cũng như tạo ra một hành lang pháp lý, các nước đều nỗ lực giải quyết các tranh chấp về chủ quyền trên biển, đưa ra Luật Biển. Đặc biệt, các nước đã chú trọng hơn nữa việc xây dựng các lực lượng bảo vệ như hải quân, không quân, cảnh sát biển, biên phòng... nhằm tạo nên một thế mạnh vươn ra biển, khẳng định hơn nữa chủ quyền trên biển.

Từ những thập niên cuối của thế kỷ XX đến nay đã có nhiều cuộc tranh chấp biển, đảo xảy ra ở châu Âu, Trung Đông, Nam Mỹ, Trung Á và khu vực châu Á. Những cuộc tranh chấp đó đã thể hiện rõ chiến lược vươn ra biển một cách cấp bách cũng như sự tham vọng của các nước trên thế giới.

Tại châu Âu, ngay từ Chiến tranh thế giới thứ Hai đã có sự tranh chấp đảo Serperas giữa Rumani và Ucraina; Tại Trung Đông quần đảo Abumusa và quần đảo Tun là nơi xảy ra xung đột tranh chấp giữa Iran, các Tiểu vương quốc Arab và Hy Lạp... Đặc biệt

¹ *Tình hình biển, đảo và hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trong thời gian qua*, Tài liệu dùng cho báo cáo viên, Cục Chính trị, Tổng cục Kỹ thuật, số 1086, tr. 1.

² “Băng cháy” là tên gọi của hợp chất metal và nước ở nhiệt độ thấp và áp suất cao dưới đáy biển. Metal được bao bọc bởi các phân tử nước hình thành một dạng băng trong suốt màu trắng. Do bề ngoài nhìn giống băng nhưng rất dễ cháy nên gọi là “băng cháy”. Năng lượng tỏa ra từ 1m³ “băng cháy” tương đương với năng lượng tỏa ra từ 180m³ khí thiên nhiên.

tại châu Á, quần đảo Kurin, quần đảo có vị trí chiến lược quan trọng ở Đông Bắc Á là nơi xảy ra tranh chấp giữa Nga và Nhật Bản. Ngoài ra, quần đảo Điếu Ngư cũng là nơi tranh chấp quyết liệt kéo dài giữa Nhật Bản và Trung Quốc. Vùng biển Hoàng là nơi cả Bắc Triều Tiên và Hàn Quốc đều tuyên bố chủ quyền và cũng là nguyên nhân làm cho sự căng thẳng hai nước leo thang. Vào tháng 3 năm 2008, sau lời tuyên bố của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Hàn Quốc: “Hàn Quốc có thể sẽ tấn công vào các cơ sở hạt nhân của Bắc Triều Tiên”. Để đáp trả, Bắc Triều Tiên đã tiến hành bắn thử tên lửa trên vùng biển này đồng thời cảnh báo: “Hải quân Hàn Quốc không được xâm phạm ‘lãnh hải’ của họ ở Hoàng Hải”. Phức tạp và có nhiều tranh chấp hơn, kéo dài hơn đó là khu vực Biển Đông. Biển Đông là biển lớn thứ hai trên thế giới, được bao bọc bởi 9 nước: Việt Nam, Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Indonesia, Brunei và Philippines. Biển Đông có nguồn tài nguyên thủy sản, dầu khí và khoáng sản rất lớn vốn chưa được khai thác nhiều. Đây cũng là tuyến đường giao thông huyết mạch có tính chiến lược với rất nhiều nước trong lịch sử và hiện tại. Lợi ích từ Biển Đông đối với các nước trong khu vực và ngoài khu vực là rất lớn. Do đó, việc vươn ra biển, thực hiện chiến lược biển cũng như những tranh chấp xảy ra giữa nhiều nước là một vấn đề không thể tránh khỏi.

Đối với Mỹ, với mục tiêu “Thế kỷ XXI là thế kỷ của Châu Á – Thái Bình Dương” và Đông Nam Á là tâm điểm của chiến lược này, do đó Mỹ tích cực thể hiện những quan tâm và hoạt động quân sự tại khu vực này. Bởi theo Mỹ: “*Bất kỳ xung đột nào trên Biển Đông đều đe dọa đến những lợi ích về an ninh chiến lược, kinh tế của Mỹ và các nước đồng minh. Mỹ sẽ buộc phải can thiệp để duy trì tự do hàng hải cho tuyến đường biển quan trọng này*”³

Đối với Trung Quốc, chiến lược biển được xác định là khai thác biển xa trước, gần sau; vùng biển tranh chấp trước vùng biển thuộc chủ quyền sau. Đối với Biển Đông, mở rộng ảnh hưởng để độc chiếm và khống chế Biển Đông là chiến lược nhất quán của Trung Quốc⁴. Để hạn chế ảnh hưởng của Mỹ tại Đông Nam Á, Trung Quốc đã cùng với ASEAN ký tuyên bố về “Cách ứng xử của các bên ở Biển Đông” tại PhnomPenh (4/11/2002). Trung Quốc còn thực hiện lộ trình ba bước: *Kiểm soát Biển Đông, làm chủ Biển Đông và độc chiếm Biển Đông*. Đại hội lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc (10/2002) đã xác định: Chiến lược biển của họ trong thế kỷ XXI được chia làm hai giai đoạn: Giai đoạn I (2002-2020) thực hiện chiến lược khu vực ven biển, chuẩn bị thực hiện toàn diện chiến lược biển; Giai đoạn 2

³ Tidd, Tổng cục Kỹ thuật, số 1086, tr. 11

⁴ Tổng cục Kỹ thuật, Cục Chính trị, *Thông báo nội bộ tháng 2 năm 2004*, tr. 9

(2021 – giữa thế kỷ XXI), thực hiện toàn diện chiến lược biển, khai thác tài nguyên và năng lượng biển với quy mô lớn, phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, Trung Quốc trở thành một cường quốc về biển. Với mục tiêu đó, trước đây Trung Quốc ưu tiên giải quyết vấn đề thống nhất Đài Loan thì hiện nay chuyển sang giải quyết những tranh chấp ở Biển Đông. Bởi theo Trung Quốc, thống nhất Đài Loan chỉ là vấn đề thời gian, còn chiếm và độc chiếm Biển Đông – Trường Sa cần phải giải quyết sớm.

Như vậy, chiến lược hướng biển và Biển Đông là mục tiêu hàng đầu của Trung Quốc đã thôi thúc nước này đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền khẳng định chủ quyền của họ ở Trường Sa. Đặc biệt sau khi can thiệp thô bạo vào Hoàng Sa, Trường Sa được xem như một mục tiêu tối ưu để Trung Quốc hướng đến. Cùng với những hoạt động tuyên truyền, Trung Quốc tăng cường những hoạt động về quân sự, trong đó hiện đại hóa lực lượng hải quân và không quân ở Biển Đông. Những động thái của Trung Quốc về quân sự, chính trị gần đây về Biển Đông đã đưa đến những phản ứng kịch liệt từ phía dư luận quốc tế. Việc Trung Quốc in “đường lưỡi bò” lên hộ chiếu của người Trung Quốc khi nhập cảnh sang Việt Nam và một số nước đã làm cho tình hình quan hệ chính trị giữa Việt Nam – Trung Quốc, Trung Quốc với các nước trở nên phức tạp hơn, đặc biệt là sự

phản đối, không hài lòng từ phía người dân Trung Quốc về vấn đề này. Vấn đề Biển Đông vẫn đang diễn tiến không mấy thuận chiều.

Như vậy, vấn đề hướng biển, vươn ra biển trong chiến lược phát triển của các nước trên thế giới diễn ra khá phức tạp. Chiến lược hướng biển dẫn đến những tranh chấp, bất đồng về biển, đảo tạo ra những biến động đa chiều trong quan hệ quốc tế thời hiện đại, trong đó Biển Đông là một trong những tâm điểm thu hút nhiều nước lớn quan tâm và cũng là nơi mà lợi ích luôn đặt lên hàng đầu đối với các nước.

2. Quan điểm, ứng xử của Việt Nam về vấn đề Biển Đông

Đối với Việt Nam, Biển Đông có vai trò quan trọng cả về kinh tế lẫn chính trị và an ninh quốc phòng. Trong 64 tỉnh, thành phố của nước ta, có 28 tỉnh, thành phố giáp biển. Kinh tế biển đã, đang và sẽ đóng góp một phần tích cực đối với sự phát triển nền kinh tế Việt Nam. Đặc biệt các ngành kinh tế mũi nhọn như dầu khí, thủy hải sản, giao thông vận tải, công nghiệp đóng tàu... ngày càng có vị thế và tiềm năng trong nền kinh tế nước ta. Nói đến Biển Đông cũng không thể không đề cập đến hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam, đã, đang là mâu thuẫn của những xung đột, tranh chấp và lợi

ích của nhiều nước trong đó Trung Quốc là nước đi đầu.

Với nguyên tắc “tiên chiếm vi chủ”, có nghĩa là “bên nào chiếm được bên đó làm chủ và được luật quốc tế tôn trọng”, vì vậy xuyên suốt một quá trình, Trung Quốc liên tục gây ra những xung đột và vi phạm chủ quyền của Việt Nam tại hai quần đảo này, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay.

Thực tế lịch sử đã chứng minh, trong các thế kỷ XVII, XVIII, XIX, các triều đại phong kiến Việt Nam đã chiếm hữu thực sự và thực hiện chủ quyền liên tục, hòa bình trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Về tổ chức hành chính, cả hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa được nhà nước phong kiến Việt Nam phiên thuộc vào phủ Quảng Nghĩa, trấn Quảng Nam (Quảng Nam)⁵ Trải qua nhiều thế kỷ, nhà nước phong kiến Việt Nam với tư cách là người làm chủ đã cấm mốc, tổ chức khai thác, quản lý, điều tra, khảo sát địa hình, địa vật, trồng cây, dựng miếu, nhà cửa... Chủ quyền của Việt Nam về hai quần đảo này cũng đã được nhiều học giả phương Tây, các nhà hàng hải, địa lý công nhận từ các thế kỷ trước.

Trước sự can thiệp thô bạo và vi phạm chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông của Trung Quốc, Việt Nam đã có những quan

điểm, ứng xử dựa trên tinh thần “giải quyết bằng thương lượng hòa bình và tuân thủ luật pháp quốc tế”. Việt Nam luôn khẳng định Hoàng Sa, Trường Sa là một bộ phận không tách rời của lãnh thổ Việt Nam và đã được pháp luật quốc tế thừa nhận.

Sau khi đánh chiếm hoàn toàn quần đảo Hoàng Sa (1974), Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã tuyên bố lập trường ba điểm:

Thứ nhất, vấn đề chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ là vấn đề thiêng liêng của mỗi dân tộc.

Thứ hai, trong vấn đề biên giới và lãnh thổ, các nước láng giềng thường có sự tranh chấp do lịch sử để lại.

Thứ ba, các nước có liên quan cần xem xét vấn đề này theo tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, hữu nghị, láng giềng tốt và giải quyết bằng thương lượng⁶.

Xâm chiếm Hoàng Sa là hành động vi phạm luật pháp quốc tế và không mang lại chủ quyền cho Trung Quốc. Việt Nam mong muốn thông qua đàm phán hai bên sẽ mang lại một giải pháp cơ bản cho vấn đề tranh chấp ở Biển Đông, đảm bảo một nền an ninh, ổn định trong khu vực. Trong Thông cáo chung Việt Nam – Trung Quốc tháng 11 năm 1991 đã nêu rõ: “Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau; không xâm

⁵ Nhiều tác giả (1996), *Sự thật về những lần xuất quân của Trung Quốc và quan hệ Việt – Trung*, NXB Đà Nẵng, tr. 120.

⁶ Nhiều tác giả, tldđ, tr. 134.

phạm lẫn nhau; không can thiệp vào nội bộ của nhau; bình đẳng cùng có lợi và cùng tồn tại hòa bình". Chính phủ hai nước cũng đã tán thành Tuyên bố về Biển Đông tại Hội nghị Ngoại trưởng các nước ASEAN họp ở Manila (7/1992), trong đó nêu rõ: "*Nhấn mạnh sự cần thiết phải giải quyết tất cả các vấn đề chủ quyền và quyền tài phán ở biển Nam Trung Hoa (Biển Đông) bằng các biện pháp hòa bình, không sử dụng vũ lực*"⁷. Trên tinh thần đó, vào năm 1994, Việt Nam đã phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 thể hiện quan điểm, lập trường của Việt Nam trong việc xây dựng một trật tự pháp lý công bằng.

Bối cảnh tình hình thế giới và khu vực ngày càng diễn ra phức tạp, đa chiều. Việc định hướng và xác định mục tiêu phát triển kinh tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ cần thiết của Việt Nam. Với đường lối đối ngoại tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, Việt Nam luôn mong muốn làm bạn với tất cả các nước trên tinh thần tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, cùng nhau phát triển. Trải qua những giai đoạn phát triển, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã không ngừng tạo dựng một môi trường hòa bình, ổn định, phát triển đất nước, bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển. Việt Nam đã tích cực giải quyết các vấn đề liên quan đến biên giới, vùng chồng lấn với các

nước láng giềng, đó là: Hiệp định về vùng nước lịch sử với Campuchia (1982), Thỏa thuận khai thác chung với Malaysia (1992), Hiệp định Phân định ranh giới biển với Thái Lan (1997), Hiệp định Phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định Hợp tác nghề cá với Trung Quốc (2000), Hiệp định Phân định thềm lục địa với Indonesia (2003). Ngoài ra, Việt Nam còn đàm phán giải quyết phân định vùng chồng lấn thềm lục địa ba nước Việt Nam, Thái Lan, Malaysia, phân định vùng chồng lấn với Brunei, đàm phán đề bảo vệ Vùng Thông báo bay (vùng trời), xác định: Vùng trách nhiệm tiếp nhận thông tin cứu nạn hàng hải; Vùng tìm kiếm cứu nạn⁸... Để tăng cường hơn nữa các mối quan hệ hợp tác, năm 2005, Cơ quan Dầu khí Quốc gia ba nước Việt Nam, Trung Quốc, Philippines đã ký và triển khai Thỏa thuận Thăm dò địa chấn Biển chung tại khu vực thỏa thuận trên Biển Đông. Việt Nam còn tích cực triển khai Tuyên bố về Cách ứng xử của các bên ở Biển Đông đã được Trung Quốc và ASEAN ký năm 2002; Tham gia Hội thảo về không chế xung đột ở Biển Đông do Indonesia tổ chức; Hợp tác với Philippines về triển khai Dự án Hợp tác nghiên cứu khoa học Biển Việt Nam – Philippines... Việt Nam còn tổ chức nhiều hội thảo quốc tế về Biển Đông nhằm thể hiện rõ quan điểm lập trường của

⁸ Trung tâm Thông tin Công tác nghiên cứu (2007), *Một số vấn đề về tình hình Biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa*, (Tài liệu lưu hành nội bộ), Hà Nội, tr. 12.

⁷ Nhiều tác giả, sdd, tr. 147.

các nước, xác định chủ quyền biển, đảo của Việt Nam cũng như đưa ra những phương cách ứng xử phù hợp.

Những nỗ lực của Việt Nam trong việc đàm phán, giải quyết những vấn đề ở Biển Đông liên quan đến nhiều bên cho thấy tinh thần hợp tác, thân thiện trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau của Việt Nam. Từ năm 2007 trở đi, vấn đề Biển Đông có chiều hướng phức tạp hơn. Lợi ích từ Biển Đông cũng như chiến lược vươn ra biển của các nước trong khu vực và ngoài khu vực đã làm nóng lên tình hình an ninh, quân sự ở đây. Đặc biệt, Trung Quốc ngày càng leo thang, vi phạm chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Trường Sa. Do thực tế đó, Việt Nam càng tích cực đấu tranh, theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình, kiên quyết bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển. Việt Nam còn đẩy mạnh hơn nữa công tác đàm phán, phân định biển với các nước láng giềng, tăng cường hợp tác trên biển theo tinh thần của Công ước của Liên hợp quốc về Biển năm 1982 và Tuyên bố về Cách ứng xử của các bên về Biển Đông (DOC).

Đối với trong nước, Việt Nam tích cực tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về đất nước, lịch sử, chủ quyền quốc gia, lãnh thổ. Đồng thời tăng cường an ninh, phát triển kinh tế, xã hội, hướng đến một sự phát triển ổn định, bền vững, hòa bình và thịnh vượng.

3. Kết luận

Trong lịch sử và hiện tại, vấn đề hướng biển và vươn ra biển một cách mạnh mẽ của các nước trên thế giới cũng như trong khu vực đã đưa đến những tranh chấp, xung đột ở mức độ khác nhau giữa các nước. Biển và tài nguyên biển ngày càng có giá trị lớn lao trong quá trình phát triển của thế giới. Đối với Biển Đông, nơi gắn liền lợi ích của nhiều nước lớn và cũng là nơi có vị trí chiến lược quan trọng nên những tranh chấp, bất đồng luôn tiềm ẩn xảy ra, ảnh hưởng đến an ninh, hòa bình của cả khu vực. Căn cứ từ thực tế lịch sử và luật pháp quốc tế, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam có vị trí trọng yếu trên Biển Đông. Trước hành động xâm phạm chủ quyền của Trung Quốc, Việt Nam kiên quyết đấu tranh giữ vững chủ quyền lãnh thổ, tôn trọng luật pháp quốc tế, đảm bảo một nền hòa bình chung cho cả khu vực. Tất cả những động thái của Trung Quốc cũng như luận cứ lịch sử của họ về Biển Đông, về Hoàng Sa và Trường Sa từ trước đến nay hoàn toàn thiếu cơ sở. Đúng như nhận xét trước đây của một giáo sư người Pháp: "*Luận cứ về lịch sử của Trung Quốc rất kém chính xác, và phải chăng việc đó thể hiện thái độ thiếu tự tin của Trung Quốc đối với loại luận cứ này*".⁹

⁹ Vũ Phi Hoàng (1988), *Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bộ phận lãnh thổ Việt Nam*, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr. 92.